

Bản án số: 14/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 14 - 4 - 2023

V/v: Ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tôn Thị Thanh Thúy.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Phạm Ngọc Phụng.

2. Ông Lý Tài Thế.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Dương – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

Ngày 14 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 11/2022/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 3 năm 2022 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 149/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Ong Thị Tuyết T, sinh năm 1995. Địa chỉ: số B, ấp C, xã L, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng. (*có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt*).

- *Bị đơn:* Ông KIM HAK RAE, sinh năm 1965. Địa chỉ số: 38-6, Wondong-gil, Bugil-myeon, Haenam-gun, J, J-do, Hàn Quốc. (*vắng mặt*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 16/3/2022 và đơn yêu cầu không tiến hành hòa giải, công khai chứng cứ và xin giải quyết vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Ong Thị Tuyết T trình bày trình bày:

Vào năm 2018 chị T kết hôn cùng ông Kim Hak R, có tổ chức đám cưới theo phong tục, có đăng ký kết hôn tại UBND thị xã V, tỉnh Sóc Trăng và được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 05/07/2018. Trong thời gian sống chung có con chung 01 con chung tên là Kim Tuyết N, sinh ngày 07/08/2018 (nữ). Từ lúc cưới nhau thì vợ chồng sống chung tại nhà cha mẹ ruột chị T tại địa chỉ: ấp C, xã L, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng cho đến tháng 02/2021. Sau đó ông Kim Hak R bỏ về Hàn Quốc sống cho đến nay. Thời gian đầu, vợ chồng sống chung hạnh phúc, đến năm 2020 thì không hạnh phúc vì qua thời gian hai vợ chồng phát hiện không đồng quan điểm, nếu kéo dài tình cảm không hạnh phúc, hai bên cũng đã ly thân từ năm 2021 cho đến nay. Hiện nay 02 bên không còn liên lạc qua lại nữa, mạnh ai làm nấy ăn. Nay

chị T nhận thấy tình cảm đã không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó chị T yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Ong Thị Tuyết T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn giữa chị T và ông Kim Hak R.

- Về con chung: tên Kim Tuyết N, sinh ngày 07/8/2018, (nữ) đang ở với chị T, con còn nhỏ, chị T yêu cầu được quyền nuôi con và không yêu cầu ông Kim Hak R cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Tài sản chung hai bên tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết .

Do hiện nay chị T bận đi làm không có thời gian để đến Tòa án tham gia tố tụng cũng như không tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nên bà yêu cầu Tòa án cho bà được vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, bà cam kết không khiếu nại gì về sau.

Đối với anh Kim Hak R đã được Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án có ấn định ngày mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, công khai chứng cứ và hòa giải, ấn định ngày đưa vụ án ra xét xử nhưng đến nay anh Kim Hak R không có văn bản ghi ý kiến gửi cho Tòa án và vắng mặt tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Theo đơn khởi kiện nguyên đơn Chị Ong Thị Tuyết T yêu cầu được ly hôn với bị đơn ông Kim Hak R; yêu cầu được trực tiếp nuôi con; về tài sản chung không yêu cầu Tòa án giải quyết và nợ chung có không yêu cầu giải quyết. Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng thụ lý vụ án xác định quan hệ pháp luật giải quyết “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Trong vụ án có đương sự ở nước ngoài nên Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 35 và điểm c khoản 1 Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Nguyên đơn Chị Ong Thị Tuyết T có văn bản yêu cầu xét xử vắng mặt. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, quyết định tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn chị T.

[3] Bị đơn ông Kim Hak R là người có quốc tịch Hàn Quốc, hiện nay đang sinh sống tại địa chỉ 38-6, Wondong-gil, Bugil-myeon, Haenam-gun, J, J-do, Hàn Quốc. Sau khi thụ lý vụ án, vào ngày 01/4/2022, Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng đã lập hồ sơ ủy thác tư pháp tổng đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án số 11/TBTL-VA ngày 25/3/2022 cho ông Kim H Rae để thông báo cho ông Kim H Rae biết về nội dung yêu cầu khởi kiện của chị T. Ngày 12/10/2022 Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng đã nhận được công văn số 2701/CH-BTP ngày 19/9/2022 của Bộ Tư pháp về

việc Bộ tư pháp đã đề nghị Cục Quản lý Tòa án quốc gia , Đại Hàn Dân Quốc thực hiện việc ủy thác tư pháp nói trên của Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng và Tòa án cũng có văn bản đề nghị Bộ Tư pháp thông báo về kết quả thực hiện việc tổng đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án cho ông Kim Hak R và ngày 08/02/2023 nhận được công văn số 98/BTP-PLQT ngày 13/1/2023 Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng đã nhận được về kết quả thực hiện việc tổng đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án cho ông Kim Hak R. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm c khoản 5 Điều 477 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, quyết định tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn Kim Hak R.

Về nội dung:

[4] Về hôn nhân: Chị Ong Thị Tuyết T và Kim Hak R là những người có đủ điều kiện kết hôn, hai người đã tiến đến hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân thị xã V, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 05/7/2018 nên quan hệ hôn nhân giữa chị T và ông Kim Hak R là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, chị T và ông Kim H Rae chung sống với nhau tại nhà cha mẹ của chị T, thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2020 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do không đồng quan điểm nhưng không khắc phục được, mâu thuẫn kéo dài làm cho tình cảm vợ chồng không còn và đến tháng 02/2021 ông Kim Hak R đã bỏ bà về Hàn Quốc sống và vợ chồng ly thân cho đến nay. Xét thấy, việc kết hôn giữa chị T và ông Kim Hak R là hôn nhân tự nguyện nhưng không có sự tìm hiểu kỹ trước khi hai người tiến đến kết hôn, cho nên sau khi kết hôn một thời gian vợ chồng phát sinh mâu thuẫn thì giữa hai người không tìm biện pháp hàn gắn, khắc phục tình cảm vợ chồng mà ông Kim H Rae chở về H và vợ chồng không liên lạc với nhau. Như vậy, cho thấy cuộc sống vợ chồng chị T và ông Kim Hak R không hạnh phúc, tình cảm vợ chồng đã thật sự không còn, mục đích hôn nhân không thể tồn tại, nếu duy trì hôn nhân sẽ ảnh hưởng đến cuộc sống bình thường của mỗi người. Do vậy, T khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Kim Hak R là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận và đồng ý cho chị T được ly hôn với ông Kim Hak R.

[5] Về con chung: Giữa chị T và ông Kim Hak R có một con chung là cháu Kim Tuyết N, sinh ngày 07/8/2018. Chị T có yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu N đến tuổi trưởng thành. Xét thấy, T1 khi vợ chồng chị T ly thân với nhau thì chị T là người trực tiếp nuôi cháu N, sức khỏe cháu phát triển tốt và được học hành đầy đủ, ông Kim Hak R cũng không có ý kiến gì đối với yêu cầu của chị T về việc được trực tiếp nuôi cháu N. Vì vậy, để ổn định tâm lý cũng như sự phát triển bình thường về thể chất và tinh thần cho cháu Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị T giao cháu Kim Tuyết N cho chị T Nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Ông Kim Hak R có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[6] Về việc cấp dưỡng nuôi con: Do Chị T có đủ điều kiện nuôi con và không yêu cầu anh Kim H Rae nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Về tài sản chung, nợ chung và trợ cấp khó khăn sau khi ly hôn: Chị T không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[7] Về án phí hôn nhân sơ thẩm và chi phí ủy thác tư pháp: Chị T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000đồng và chi phí ủy thác tư pháp 200.000đồng theo

quy định tại khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 153 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27, Điều 44 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, điểm b khoản 1 Điều 470, điểm a khoản 5 Điều 477 và khoản 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Áp dụng khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 123 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Ong Thị Tuyết T được ly hôn với ông Kim Hak R.

- Về con chung: Giao cháu Kim Tuyết N, sinh ngày 07/8/2018 chị Chị Ong Thị Tuyết T trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (18 tuổi). Anh Kim Hak R không phải cấp dưỡng nuôi con do chị Ong Thị Tuyết T không yêu cầu và anh Kim Hak R có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai có quyền cản trở.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Do chị Ong Thị Tuyết T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- Về tài sản chung, nợ chung và trợ cấp khó khăn sau khi ly hôn: Không yêu cầu giải quyết, nên không đặt ra giải quyết.

- Án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Ong Thị Tuyết T phải chịu 300.000đồng (*Ba trăm nghìn đồng*), nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đồng (*Ba trăm nghìn đồng*), theo biên lai thu tiền số 0001113, ngày 23 tháng 3 năm 2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Sóc Trăng. Như vậy, bà Ong Thị Tuyết T đã nộp đủ án phí hôn nhân sơ thẩm.

- Lệ phí ủy thác tư pháp: Chị Ong Thị Tuyết T phải chịu là 200.000đồng (Hai trăm nghìn đồng), nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng đã nộp 200.000đồng (Hai trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu số: 0001566 ngày 02/6/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Sóc Trăng. Như vậy, Chị Ong Thị Tuyết T đã nộp đủ chi phí ủy thác tư pháp.

Báo các đương sự biết, án xử sơ thẩm công khai có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết) để xin Tòa án cấp trên xét xử lại theo trình tự phúc thẩm. Đối với đương sự cư trú ở nước ngoài không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo bản án, quyết định của Tòa án là 01 tháng, kể từ

ngày bản án, quyết định được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án, quyết định được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự (02);
- VKSND tỉnh Sóc Trăng (01);
- Cục THADS tỉnh Sóc Trăng (01);
- UBND thị xã Vĩnh Châu (01);
- Lưu hồ sơ vụ án, Tòa GĐ-NCTN (02).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Tôn Thị Thanh Thúy